

Phụ lục I**MẪU ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG THÍ SINH DỰ THI**

(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày / /2024 của Sở GD&ĐT)

UBND(SỞ GD&ĐT ...)
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do - Hạnh phúcSố: / , ngày tháng năm 2024
v/v thông tin về kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh,
năm học 202...-202...

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Long An
(Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục);
- Trường THPT.....

1. Các đội tuyển: cấp THCS ☐ **cấp THPT** ☐ (đánh dấu x cấp tương ứng)

Đội tuyển	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	Tổng cộng
Số lượng											

2. Thông tin về Hội đồng thi:

- Thi tại Hội đồng thi (xem phụ lục IX):
- Cán bộ/GV phụ trách kỳ thi của đơn vị:
- Điện thoại di động:

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: Scan gửi qua email phongtktd.solongan@moet.edu.vn (không cần gửi văn bản giấy) **trước 15/3/2024.**

Phụ lục II
QUY ĐỊNH SỐ BÁO DANH CHO CẤP THCS/THPT
(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

1. Số báo danh thí sinh

- Đối với mỗi môn thi của cấp THCS: tên thí sinh được xếp theo thứ tự a,b,c,...và gán số thứ tự từ 01 đến hết số thí sinh dự thi của mỗi môn thi trong huyện.
- Đối với mỗi môn thi của cấp THPT: tên thí sinh được xếp theo thứ tự a,b,c,... và gán số thứ tự từ 01 đến hết số thí sinh dự thi của tất cả các trường dự thi trong Hội đồng thi.
- Gán số báo danh từ nhỏ đến lớn; mỗi số báo danh gồm 06 chữ số với các thành phần A(hoặc B)XXYZZ. Trong đó :
 - + A: nếu thí sinh là THCS; B nếu thí sinh là THPT
 - + XX gồm 02 chữ số, là mã số Hội đồng thi.
 - + Y gồm 01 chữ số, là mã số của môn thi
 - + ZZ gồm 02 chữ số, là 02 chữ số thứ tự của thí sinh trong mỗi môn thi.

Ví dụ: Số báo danh là **A15301**: trong đó A là HS cấp THCS, 15 là mã số của Hội đồng THPT Cần Giuộc, 3 là mã số của môn Vật lý, 01 là thứ tự của thí sinh trong đội tuyển bộ môn Vật lý THCS; Số báo danh **B07019**: B là HS cấp THPT, 07 là mã số Hội đồng THPT Tân An, 0 là môn Tin học, 19 là số thứ tự thí sinh môn Tin học của hội đồng.

2. Mã đơn vị dự thi:

Huyện/Hội đồng thi	Mã số	Huyện/Hội đồng thi	Mã số
Tân Hưng/THPT Tân Hưng	01	Tân Trụ/THPT Tân Trụ	09
Vĩnh Hưng/THPT Vĩnh Hưng	02	Thủ Thừa/THPT Thủ Thừa	10
Kiến Tường/THPT Thiên Hộ Dương	03	Bến Lức/THPT Nguyễn Trung Trực – Bến Lức	11
Mộc Hoá/THCS&THPT Bình Phong Thạnh	04	Đức Hoà/THPT Hậu Nghĩa	12
Tân Thạnh/THPT Tân Thạnh	05	Đức Huệ/THPT Đức Huệ	13
Thạnh Hoá/THPT Thạnh Hóa	06	Cần Đước/THPT Cần Đước	14
TP. Tân An/THPT Tân An	07	Cần Giuộc/THPT Cần Giuộc	15
Châu Thành/THPT Nguyễn Thông	08		

3. Mã môn thi:

Môn	Mã số môn	Môn	Mã số môn
Ngữ văn	1	Lịch Sử	6
Toán	2	Địa Lý	7
Vật Lý	3	Giáo dục công dân	8 (THCS)
Hoá Học	4	Tiếng Anh	9
Sinh Học	5	Tin Học	0

Phụ lục III

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

Kỳ thi HSG cấp tỉnh năm học:

Hội đồng coi thi.....

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

PHÒNG THI SỐ:

Tt	SBD	Chữ ký thí sinh	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạnh kiểm	Học lực	Trường	Môn thi	Huyện
				Ngày	Tháng	Năm							
1			Không tách riêng 02 cột họ tên				Long An						
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													

Danh sách này gồmthí sinh
đủ hồ sơ hợp lệ và điều kiện dự thi

Danh sách này gồmthí sinh
đủ hồ sơ hợp lệ và điều kiện dự thi
....., ngày tháng năm 20...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

+ Lưu ý: lập riêng 02 bản/mỗi môn thi cho học sinh ký tên khi dự thi

Phụ lục IV

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

DANH SÁCH CÁC ĐỘI TUYỂN
DỰ THI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
NĂM HỌC:

(Kèm Quyết định số: /QĐ-PGDĐT ngày tháng ... năm 2024 của Phòng GD&ĐT)

Tt	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạnh kiểm	Học lực	Trường	Môn thi
		Ngày	Tháng	Năm						
1	Không tách riêng 02 cột họ tên				Long An	Nam				Toán
2					Tiền Giang	Nữ				...
...						0				
						1				Vật lý
										...
										Hóa học
										...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Danh sách này có học sinh.

Lưu ý:

- + Cột “Nơi sinh”: chỉ ghi Tỉnh/Thành phố;
- + Cột Nam/Nữ: ghi Nam hay Nữ (không ghi 0/1)
- + Cột “Môn thi”: ghi theo môn thi.
- + Lập chung cho các môn.

Phụ lục V

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

Kỳ thi HSG cấp tỉnh

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Năm học:

Đơn vị dự thi :

PHÒNG THI SỐ :

Tt	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam/nữ	Môn thi
			Ngày	Tháng	Năm			
	Không tách riêng 02 cột họ tên					Long An		

Danh sách này gồm thí sinh.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

+ Lưu ý: danh sách này in 03 bản (01 dán ở bản thông báo, 01 dán trước phòng thi, 01 để kèm phong bì ấn chỉ thi; **lập riêng theo từng môn thi.**

Phụ lục VI*(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)*

Kỳ thi HSG cấp tỉnh

PHIẾU THU BÀI

Năm học:

PHÒNG THI SỐ: ...

Đơn vị dự thi:

Tt	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh			Số tờ	Bằng chữ	Ký tên	Môn thi
			Ngày	Tháng	Năm				
1	Không tách riêng 02 cột họ tên								
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

Tổng số bài thi: Bằng chữ

Tổng số tờ: Bằng chữ

Giám thị 1 Ký tên

Giám thị 2 Ký tên

Lưu ý: phiếu thu bài lập 02 bản/1 môn thi (phòng thi ghép nhiều môn thi thì lập riêng theo từng môn thi, mỗi môn 2 bản), 01 bản niêm phong trong phong bì bài thi, 01 bản gửi kèm hồ sơ thi.

Phụ lục VII

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

UBND(SỞ GD&ĐT ...)
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do - Hạnh phúcSố: / , ngày tháng năm 2024
V/v Đề nghị CB, GV tham gia công tác chấm thi,
ra đề thi học sinh giỏi cấp tỉnh
năm học 2023-2024

Kính gửi: Phòng KT&QLCLGD, Sở Giáo dục và Đào tạo Long An.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN
THAM GIA HỘI ĐỒNG CHẤM THI, RA ĐỀ THI
HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HOÁ CẤP TỈNH
NĂM HỌC 202... - 202...****1. Danh sách đề nghị cán bộ, giáo viên tham gia hội đồng chấm thi**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Chấm thi	Số điện thoại di động
1				Ngữ văn	
2					
3				Lịch sử	
4					
5				Địa lí	
6					
7				GDCD	
8					
8				Tiếng Anh	
10					
11				Toán	
12					
13				Vật lí	
14					
15				Hoá học	
16					
17				Sinh học	
18					
19				Tin học	
20					

2. Danh sách đề nghị cán bộ, giáo viên tham gia ra đề thi

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Ra đề	Số điện thoại di động
1				Ngữ văn	
2					
3				Lịch sử	
4					
5				Địa lí	
6					
7				GD&ĐT	
8					
8				Tiếng Anh	
10					
11				Toán	
12					
13				Vật lí	
14					
15				Hoá học	
16					
17				Sinh học	
18					
19				Tin học	
20					

Danh sách có ... CB, GV.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục VIII

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẶT HỘI ĐỒNG THI HỌC SINH GIỎI
 NĂM HỌC 2023-2024**

TT	Tên trường	TT	Tên trường
1	THPT Tân Hưng	9	THPT Tân Trụ
2	THPT Vĩnh Hưng	10	THPT Thủ Thừa
3	THPT Thiên Hộ Dương	11	THPT Nguyễn Trung Trực – Bến Lức
4	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	12	THPT Hậu Nghĩa
5	THPT Tân Thạnh	13	THPT Đức Huệ
6	THPT Thạnh Hóa	14	THPT Cần Đước
7	THPT Tân An	15	THPT Cần Giuộc
8	THPT Nguyễn Thông		

Phụ lục IX

(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

PHIẾU BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP HK1

UBND HUYỆN/SỞ GD&ĐT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG THCS/THPT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NĂM HỌC

(Thay thế học bạ)

Họ và tên học sinh:

Ngày sinh:

Nơi sinh :

Giới tính: Dân tộc:

Lớp : Thuộc đội tuyển môn:

Môn học		Điểm trung bình/Nhận xét đánh giá
Toán		
Vật lí		
Hoá học		
Sinh học		
Tin học		
Ngữ văn		
Lịch sử		
Địa lí		
Ngoại ngữ		
Công nghệ		
GDQP-AN		
Thể dục/GDTC		
GDCD/GDKT&PL		
Âm nhạc		
Mỹ thuật		
Lịch sử và Địa lí		
KHTN		
KHXX		
Nghệ thuật		
HD trải nghiệm & HN		
Giáo dục địa phương		
Tự chọn	NN2	
	Nghề PT	
Điểm TB các môn học		

Kết quả xếp loại cả năm: Học lực:

Hạnh kiểm

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Dùng chung cho THCS/THPT nếu học sinh không học môn nào thì đánh dấu X cột điểm môn đó (học sinh học chương trình GDPT nào thì điền vào môn tương ứng) hoặc có thể điều chỉnh lại cho phù hợp theo từng chương trình GDPT.

Phụ lục X*(Kèm Công văn số: /SGDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)***MẪU CÁC CỘT DỮ LIỆU TRÊN ĐĨA CD GỬI VỀ SỞ (HỘI ĐỒNG CHẤM)**

Tt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạnh kiểm	Học lực	Trường	Môn thi	Huyện	Phòng thi
			Ngày	Tháng	Năm								
1	A13201	Không tách riêng 02 cột họ tên	15	6	20	Long An					Toán		1
	..										...		
	A13301										Vật lý		5
	..										...		
	A13401										Hóa học		10
	..										...		

Chú ý: Lập 1 sheet trong excel chung cho tất cả các môn, sau khi sắp xếp số báo danh, phòng thi, ... có đủ thông tin như mẫu

Phụ lục XI

UBND(SỞ GD&ĐT ...)
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày tháng năm 202...
(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ LÃNH ĐẠO, GIÁO VIÊN THAM GIA COI THI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA
CẤP TỈNH, NĂM HỌC**

stt	Họ và tên	Trường	Chuyên môn	Số điện thoại di động	Đề nghị nhiệm vụ
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.					CT/PCT
2.					Thư ký
3.					Giám thi
...					...
...					...

Danh sách này có (.....) cán bộ, giáo viên./.

Lưu ý:

- Tại cột (5): bắt buộc phải điền để Hội đồng thuận tiện phân công nhiệm vụ.
- Tại cột (6): bắt buộc phải điền để Hội đồng thuận tiện liên lạc.

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /02/2024 của Sở GD&ĐT)

CẤU TRÚC ĐỀ HỌC SINH GIỎI CẤP THCS

1. Môn Toán

Đề thi gồm 5 câu thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:

Câu 1: Đại số (4 điểm)

Biến đổi đại số về lũy thừa, căn thức, trị tuyệt đối.

Rút gọn, chứng minh đẳng thức, bất đẳng thức.

Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.

Tìm x, y ... thỏa điều kiện cho trước.

Câu 2: Đại số (5 điểm)

Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình.

Giải toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.

Hàm số và đồ thị.

Câu 3: Hình học (5 điểm)

Tính chất hình học.

Đẳng thức hình học về tam giác, tứ giác, đường tròn.

Câu 4: Hình học (3 điểm)

Bất đẳng thức hình học.

Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất hình học.

Đại lượng không đổi.

Câu 5: Tổng hợp (3 điểm)

Các dạng bài toán về Số học hoặc Đại số hoặc Hình học.

2. Môn Ngữ văn

Đọc hiểu (8.0 điểm)

- Kiến thức Văn bản và Tiếng Việt toàn cấp học.

- Viết đoạn văn.

Tập làm văn (12.0 điểm)

Nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội.

3. Môn Tiếng Anh

Đề thi gồm 4 phần: thang điểm 20, thời gian 150 phút. Độ khó của các câu hỏi tương đương trình độ B1 – B2.

PART I: LISTENING (4 ĐIỂM)

Gồm 2 dạng bài tập:

3.1. Nghe đoạn văn chọn câu trả lời đúng nhất (A, B, hoặc C) cho các câu hỏi (5 câu) (2,0 điểm)

3.2. Nghe đoạn văn để điền từ đúng vào chỗ trống (5 chỗ trống) (2,0 điểm)

PART II: USE OF ENGLISH (6 ĐIỂM)

Gồm 3 dạng bài tập:

Dạng 1: Chọn 1 trong 4 từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong câu cho hợp lý (dạng multiple choice question). (10 câu) (2,0 điểm)

3 câu kiểm tra về thì, dạng của động từ

3 câu kiểm tra giới từ, cụm động từ

4 câu kiểm tra các điểm ngữ pháp khác

Dạng 2: Sử dụng các hình thức đúng của từ đã cho (forms of the word) (10 câu) (2,0 điểm)

Dạng 3: Đọc đoạn văn, điền một từ phù hợp nhất vào chỗ trống (10 chỗ trống) (2,0 điểm)

PART II: READING COMPREHENSION (5 ĐIỂM)

Gồm 3 dạng bài tập:

Dạng 1: Đọc một bài văn và sau đó chọn một trong những câu biệt lập với bài văn để điền vào những chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng matching). (05 chỗ trống) (1,0 điểm)

Dạng 2: Đọc một bài văn và chọn một trong bốn từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng cloze text). (10 chỗ trống) (2,0 điểm)

Dạng 3: Đọc đoạn văn chọn câu trả lời đúng nhất (A,B, C hoặc D) cho các câu hỏi bên dưới (05 câu) (2,0 điểm)

PART IV: WRITING (5 ĐIỂM)

Gồm 2 dạng bài tập:

Dạng 1: Viết lại câu theo yêu cầu gợi ý (10 câu) (2 điểm)

Từ câu 1 đến câu 5, hoàn thành câu thứ hai, sử dụng từ gợi ý, (dùng 2 từ đến 5 từ)

Từ câu 6 đến câu 10, hoàn thành câu thứ hai không giới hạn số từ.

Dạng 2: Viết theo chủ đề (3 điểm)

Viết một đoạn văn về một vấn đề được nêu ra (khoảng 120 đến 150 từ)

4. Môn Tin học

Đề thi gồm 3 câu, thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:

Câu 1: Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7 điểm).

Câu 2: Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7 điểm).

Câu 3: Bài toán tổng hợp về qui luật, tìm kiếm, đệ qui, quy hoạch động với dữ liệu vào từ file văn bản về số, chuỗi, mảng (6 điểm).

Lưu ý: Chấm bài thi môn Tin học theo Test, nên cần ghi rõ các phương án làm Test đáp án.

5. Môn Giáo dục công dân

Nội dung của lớp 6:

- Yêu thương con người
- Siêng năng, kiên trì
- Tôn trọng sự thật
- Tự nhận thức bản thân
- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

Nội dung của lớp 7:

- Tự hào về truyền thống quê hương
- Bảo tồn di sản văn hoá
- Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
- Học tập tự giác, tích cực
- Giữ chữ tín
- Quản lí tiền

Nội dung của lớp 8:

- Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

- Bảo vệ lễ phải
- Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên
- Phòng, chống bạo lực gia đình

Nội dung của lớp 9:

Bài 2. Tự chủ

Bài 4. Bảo vệ hòa bình

Chủ đề: Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới và vấn đề hợp tác cùng phát triển

Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân

Bài 13. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

Bài 14. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

Lưu ý: Không ra đề đối với những nội dung: hướng dẫn học sinh tự đọc, tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu; những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm.

6. Môn Địa lí

Địa lí lớp 6:

Câu 1: (4,0 điểm)

Chương 2. Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời. (Chương trình GDPT 2018)

Địa lí lớp 8:

Câu 2: (4,0 điểm)

Chương 2. Khí hậu và thủy văn Việt Nam. (Chương trình GDPT 2018)

Địa lí lớp 9:

Câu 4: (4,0 điểm)

Địa lí dân cư: (Dân số và Gia tăng dân số; Phân bố dân cư và các loại hình quần cư; Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống).

Câu 5: (4,0 điểm)

Địa lí kinh tế: (Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam; Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản; Sự phát triển và phân bố công nghiệp; Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ).

Câu 6: (4,0 điểm)

Sự phân hoá lãnh thổ: (vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng Đồng bằng sông Cửu Long).

Biểu đồ: Vẽ, nhận xét các dạng biểu đồ học sinh đã được học. Ghi rõ nguồn dẫn số liệu trong đề thi.

Học sinh được sử dụng Atlas khi làm bài (trong đề kiểm tra phải ghi rõ học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam - NXBGD).

7. Môn Lịch sử

Lịch sử lớp 6

- Chủ đề: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.

Lịch sử lớp 7

- Bài 10: Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước.

- Chủ đề: Đại Việt dưới thời nhà Trần.

- Bài 20: Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527).

- Bài 25: Phong trào Tây Sơn.

Lịch sử lớp 8

- Bài 15: Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

- Bài 20: Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1918-1939).
- Bài 21: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).
- Chủ đề: Cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến năm 1884.
- Bài 26: Phong trào kháng chiến chống Pháp cuối thế kỉ XIX
- Chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918.

Lịch sử lớp 9

- Bài 4: Các nước Châu Á
- Bài 5: Các nước Đông Nam Á
- Bài 7: Các nước Mỹ La-tinh
- Bài 8: Nước Mỹ
- Bài 9: Nhật Bản
- Bài 11: Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai
- Bài 12: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học-kĩ thuật.
- Bài 14: Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Bài 16: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1925
- Chủ đề: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng cộng sản ra đời – Đảng cộng sản Việt Nam thành lập.
- Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- Bài 24: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1946)
- Bài 25: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)
- Bài 26: Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950-1953)
- Bài 27: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953-1954)

*Lưu ý: không ra đề những phần giảm tải và đọc thêm, khuyến khích học sinh tự học. Thực hiện theo chương trình GDPT 2006.

8. Môn Vật lí

Đề thi gồm 5 câu thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:

Câu 1: chuyển động cơ học (5 điểm)

Câu 2: Bài tập nhiệt (không sử dụng công thức liên quan đến nhiệt nóng chảy, nhiệt hóa hơi, năng suất tỏa nhiệt của nhiên liệu) (3 điểm)

Câu 3: Bài tập điện (5 điểm)

Câu 4: Mạch cầu (4 điểm)

Câu 5: Bài tập quang hình (3 điểm)

9. Môn Hoá học

Đề thi gồm 5 câu, thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:

Câu 1: Cấu tạo nguyên tử - Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (2 điểm).

Câu 2: Các loại hợp chất vô cơ: oxit, axit, bazơ, muối – phân bón hoá học (6 điểm).

Câu 3: Kim loại – Phi kim (5 điểm).

Câu 4: Hợp chất hữu cơ: Hidrocacbon (3 điểm).

Câu 5: Bài tập tổng hợp: vô cơ, hữu cơ (4 điểm).

10. Môn Sinh học

Đề thi theo thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:

Lý thuyết: (4,0 điểm)

- Chương I. Sinh vật và môi trường (4 bài) (2 điểm)

- Chương II. Hệ sinh thái (4 bài) (2 điểm)

Bài tập: (16,0 điểm)

- Chương I: Nhiễm sắc thể (Bài 8, 9, 10, 11, 12) (4 điểm)

- Chương II: Các thí nghiệm của Mendel (Các quy luật di truyền của Mendel) (3 điểm)

- Chương III: ADN và gen (4 điểm)

- Chương IV: Biến dị (3 điểm)

- Chương V: Di truyền học người (2 điểm)

Lưu ý: Phần bài tập phải thể hiện được nội dung kiến thức trọng tâm của chương trình sinh học 9 và đảm bảo đúng chuẩn kiến thức kỹ năng (chuẩn tối đa phải dựa trên chuẩn tối thiểu).

CẤU TRÚC ĐỀ HỌC SINH GIỎI CẤP THPT

1. Môn Toán

Đề thi gồm 5 câu trên thang điểm 20.

Câu 1: Đại số (5 điểm)

- Phương trình đại số, hệ phương trình đại số: chứa căn bậc 2, căn bậc 3...

- Lượng giác: công thức lượng giác, phương trình lượng giác...

Câu 2: Hình học (5 điểm)

- Hệ thức lượng trong tam giác

- Hình học tổng hợp trong mặt phẳng, vectơ, phép biến hình phẳng...

- Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.

Câu 3: Giải tích (4 điểm)

Tính chất dãy số, giới hạn dãy số.

Câu 4: Tổ hợp và xác suất (3 điểm)

- Quy tắc đếm.

- Hoán vị-chỉnh hợp-tổ hợp.

- Nhị thức Newton và ứng dụng.

- Các bài toán tính xác suất.

Câu 5: Bài toán thực tiễn (tính đến thời điểm thi) (3 điểm)

Ghi chú: các câu của đề thi không sử dụng đạo hàm trong giải toán.

2. Môn Vật lý

Nội dung thi: Động học; Động lực học; Công, năng lượng, công suất; Động lượng; Chuyển động tròn; Biến dạng của vật rắn; Trường hấp dẫn; Dao động; Sóng; Trường điện (Điện trường)

Câu 1: Động học, động lực học, trường hấp dẫn, chuyển động tròn, biến dạng của vật rắn (3 điểm).

Câu 2: Động học, động lực học, trường hấp dẫn, chuyển động tròn, biến dạng của vật rắn (2 điểm).

Câu 3: Công, năng lượng, công suất, động lượng (3 điểm).

Câu 4: Dao động (3 điểm).

Câu 5: Sóng (3 điểm).

Câu 6: Trường điện (Điện trường) (3 điểm).

Câu 7: Phương án thực hành (3 điểm).

3. Môn Sinh học

TT	Chuyên đề	Số điểm	Loại câu hỏi
1	Thành phần hóa học của tế bào	1,5	Tự luận
2	Cấu trúc tế bào	2,0	Tự luận
3	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở tế bào	1,5	Tự luận
4	Chu kì tế bào, phân bào và công nghệ tế bào	2,0	Tự luận
5	Vi sinh vật và ứng dụng	3,0	Tự luận
6	Virus và ứng dụng	2,0	Tự luận
7	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	4,0	Tự luận
8	Cảm ứng ở sinh vật	2,0	Tự luận
9	Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2,0	Tự luận

4. Môn Lịch sử

Đề thi gồm 05 câu theo thang điểm 20 cho toàn bài

Câu 1: Một số nền văn minh thế giới cổ trung đại (4,0 điểm).

1. Văn minh Ai Cập cổ đại.
2. Văn minh Trung Hoa cổ - trung đại.
3. Văn minh Ấn Độ cổ-trung đại.
4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại.
5. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng.
6. Văn minh Đông Nam Á cổ-trung đại.

Câu 2: Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858 (4,0 điểm).

1. Văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
2. Văn minh Chăm-pa.
3. Văn minh Phù Nam.
4. Văn minh Đại Việt.

Câu 3: Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (4,0 điểm).

1. Một số vấn đề chung của cách mạng tư sản.
2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Câu 4: Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945) (4,0 điểm).

1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc (trước cách mạng tháng Tám năm 1945).
2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).

Câu 5 : Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) (4,0 điểm).

1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.
2. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV).
3. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX).

5. Môn Địa lý

Đề thi gồm 07 câu theo thang điểm 20 cho toàn bài

Câu 1: Địa lí tự nhiên (3,0 điểm)

- Các hệ quả chuyển động của Trái Đất.
- Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

Câu 2: Địa lí tự nhiên (3,0 điểm)

- Khí quyển.
- Thủy quyển.

Câu 3: Địa lí tự nhiên (3,0 điểm)

- Sinh quyển.
- Một số quy luật của lớp vỏ địa lí.

Câu 4: Địa lí kinh tế - xã hội (2,0 điểm)

Địa lí dân cư.

Câu 5: Địa lí kinh tế - xã hội (4,0 điểm)

- Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Địa lí công nghiệp.

Câu 6: Địa lí kinh tế - xã hội (2,0 điểm)

Địa lí dịch vụ.

Câu 7: Địa lí kinh tế - xã hội thế giới (3,0 điểm)

Khu vực Đông Nam Á.

6. Môn Ngữ văn

- Phần Làm văn nghị luận xã hội: (8,0 điểm)

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

Nghị luận về một hiện tượng đời sống

Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong mẫu chuyện/tác phẩm văn học

- Phần Làm văn nghị luận văn học: (12,0 điểm)

Nghị luận về cảm thụ tác phẩm văn học

Nghị luận ý kiến về lý luận văn học

Nghị luận tổng hợp (so sánh văn học)

7. Môn Tiếng Anh

Thang điểm 20

Skills	Task Types	Number of Questions	Points
Listening	MCQs	05	2
	Gap fill	10	2
Reading	MCQs	10	2
	T/F/NG; short answer; gap fill	10	2
Use of English	Lexico-Grammar (MCQs)	10	2
	Open Cloze	10	2
	Guided Cloze	10	2
	Word formation	10	2
Writing	Error recognition	10	2
	Sentence transformation	10	2

8. Môn Tin học

Đề thi gồm 3 câu trên thang điểm 20

Câu 1: Xử lý số, chuỗi (7 điểm)

Tìm kiếm, đếm các số thoả một điều kiện

Phân tích số theo một yêu cầu

Tìm kiếm chuỗi con thoả điều kiện
Phân tích chuỗi theo một yêu cầu
Tách số và chuỗi

Câu 2: Xử lý mảng (7 điểm)

Tìm kiếm mảng con theo một điều kiện, tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân.
Phân tích mảng theo một yêu cầu
Sắp xếp phần tử của mảng theo một yêu cầu.

Câu 3: Bài toán qui luật (6 điểm)

Các qui luật biến đổi số, chuỗi mảng.

9. Môn Hóa học

Câu 1: Nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, cấu tạo chất, phản ứng oxi hóa-khử (4 điểm).

- Thành phần nguyên tử, đồng vị.
- Cấu hình electron nguyên tử, orbital nguyên tử.
- Phản ứng hạt nhân.
- Bảng tuần hoàn, xu hướng biến đổi tính chất của nguyên tử, thành phần, tính chất các hợp chất tương ứng.
- Liên kết hóa học: liên kết ion, liên kết cộng hóa trị, liên kết hydrogen, tương tác Van der Waals, thuyết lai hóa, mô hình VSEPR.
- Phản ứng oxi hóa – khử.

Câu 2: Năng lượng hóa học, tốc độ phản ứng hóa học (4 điểm).

- Biến thiên enthalpy của phản ứng dựa vào enthalpy tạo thành, enthalpy đốt cháy, năng lượng liên kết.
- Biến thiên entropy của phản ứng, năng lượng Gibbs, chiều phản ứng.
- Tốc độ trung bình của phản ứng.
- Biểu thức định luật tác dụng khối lượng.
- Hệ số nhiệt Van't Hoff.
- Năng lượng hoạt hóa, phương trình Arrhenius.
- Hóa học cháy nổ.

Câu 3: Cân bằng hóa học và cân bằng trong dung dịch nước (3 điểm).

- Chuyển dịch cân bằng hóa học.
- Hằng số cân bằng Kc.
- Cân bằng trong dung dịch nước.
- Tính pH của dung dịch acid mạnh, base mạnh, đơn acid yếu, đơn base yếu, dung dịch đệm đơn acid, base.

Câu 4: Hóa vô cơ (3 điểm).

- Halogen và hợp chất của halogen.
- Nitrogen và hợp chất của nitrogen.
- Sulfur và hợp chất của sulfur
- Phân bón hóa học.

Câu 5: Đại cương hóa học hữu cơ (3 điểm).

- Tinh chế và tách chất.
- Thành lập công thức phân tử, phổ MS.
- Cấu tạo của hợp chất hữu cơ, phổ IR.
- Đồng đẳng, đồng phân cấu tạo, đồng phân hình học.

Câu 6: Hydrocarbon (3 điểm).

- Alkane
- Hydrocarbon không no
- Hydrocarbon thơm